



AUXSOL



SUNGROW



DYNES

JASOLAR



SUNKEAN

LEADER

CƠ HỘI TRỞ THÀNH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN MẶT TRỜI CỦA HÙNG VIỆT



0979.038.943



hungvietgt.com



Số 16 TT4, KĐT Xuân Phương Tasco, P.Xuân Phương, Hà Nội.

Catalouge

AUXSOL BẮM TẢI



ASN-5SL-Plus



Model: ASN-5SL-Plus

**Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm**

ASN-10SL



Model: ASN-10SL

**Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (32A/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm**

ASN-6SL-Plus



Model: ASN-6SL-Plus

**Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm**

ASN-10TL-G2



Model: ASN-10TL-G2

**Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick,
meter 2MPPT (20/20A), PV Max input
150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm**

ASN-20TL



Model: ASN-20TL

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-40TL



Model: ASN-40TL

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A/40A/20A/20A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-25TL-G2



Model: ASN-25TL-G2

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-50TL-G2



Model: ASN-50TL-G2

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A*4), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-30TL-G2



Model: ASN-30TL-G2

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 3MPPT (40A/32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

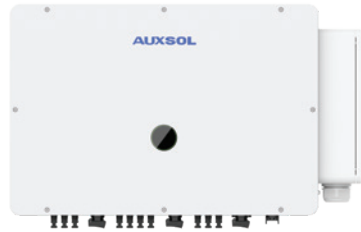
ASN-75TL-G2



Model: ASN-75TL-G2

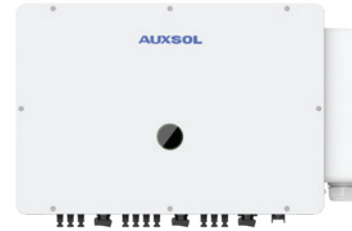
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 5MPPT (5*32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-99TL



Model: ASN-99TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick,
meter 10MPPT (10*32A), PV Max input
150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-110TL



Model: ASN-110TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick,
Meter 10MPPT(10*32A), PV Max Input
150%, IP66, AFCI
Bảo hành 10 năm



AUXSOL HYBRID



ASG-6SL-ZL



Model: ASG-6SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất PV chuyển đổi:9Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-8SL-ZL



Model: ASG-8SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:16Kw
|Công suất PV chuyển đổi:12Kw
Bảo hành 5 năm



Model: A ASG-20TL-ZH
2MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 30KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 10 năm

SOLIS BẮM TẢI



S6-GR1P3K-M



Model: S6-GR1P3K-M
|Số MPPT: 1mppt |Số string:1
|Max PV input:4,5Kw
|Công suất hòa lưới:3Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P5K-S



Model: S6-GR1P5K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P6K-S



Model: S6-GR1P6K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:9Kw
|Công suất hòa lưới:6Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P5K



Model: S5-GR3P5K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S6 GR1P8K2



Model: S6 GR1P8K2
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất hòa lưới:8Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P10K



Model: S5-GR3P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR1P10K



Model: S5-GR1P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P15K



Model: S5-GR3P15K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:22,5Kw
|Công suất hòa lưới:15Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P20K



Model: S5-GR3P20K
|Số MPPT: 2mppt
|Số string:4 |Max PV input:30Kw
|Công suất hòa lưới:20Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC40K



Model: S5-GC40K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:60Kw
|Công suất hòa lưới:40Kw
Bảo hành 5 năm



S5-GC30K



Model: S5-GC30K
|Số MPPT: 3mppt |Số string:6
|Max PV input:45Kw
|Công suất hòa lưới:30Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC50K



Model: S5-GC50K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:75Kw
|Công suất hòa lưới:50Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC25K



Model: S5-GC25K
|Số MPPT: 3mppt
|Số string:6 |Max PV input:37,5Kw
|Công suất hòa lưới:25Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC60K



Model: S5-GC60K
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:90Kw
|Công suất hòa lưới:60Kw
Bảo hành 5 năm

80K-5G-PRO



Model: Solis-80K-5G-PRO
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:104Kw
|Công suất hòa lưới:80Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC110K



Model: S5-GC110K
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:143Kw
|Công suất hòa lưới:110Kw
Bảo hành 5 năm



3P100KW-5G PRO



Model: 3P100KW-5G PRO
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:130Kw
|Công suất hòa lưới:100Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC125K



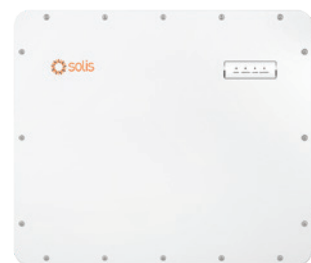
Model: S6-GC125K
|Số MPPT: 10mppt |Số string:20
|Max PV input:187,5Kw
|Công suất hòa lưới:125Kw
Bảo hành 5 năm

Solis 3P110KW-5G PRO



Model: Solis 3P110KW-5G PRO
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:143Kw
|Công suất hòa lưới:110Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC3P150K07-NV-ND



Model: S6-GC3P150K07-NV-ND
|Số MPPT: 7mppt |Số string:21
|Max PV input:225Kw
|Công suất hòa lưới:150Kw
Bảo hành 5 năm



S6-EH1P3K-L-PRO



Model: S6-EH1P3K-L-PRO
2MPPT, 2 String
Max PV input: 6KW
Max PV chuyển đổi: 4,8KW
Công suất hòa lưới: 3KW
Công suất backup: 3KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P6K-L-PLUS



Model: S6-EH1P6K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 12KW
Max PV chuyển đổi: 9.6KW
Công suất hòa lưới: 6KW
Công suất backup: 6KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P5K-L-PLUS



Model: S6-EH1P5K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 10KW
Max PV chuyển đổi: 8KW
Công suất hòa lưới: 5KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P8K-L-PLUS



Model: S6-EH1P8K-L-PLUS
2MPPT, 4 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P12K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P12K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19.2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EL 1P5K-48



Model: S6-EL 1P5K-48
1MPPT, 2 String
Max PV input: 6,5 KW
Max PV chuyển đổi: 6,5 KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 2 năm



S6-EH1P14K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P14K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 28KW
Max PV chuyển đổi: 22,4KW
Công suất hòa lưới: 14KW
Công suất backup: 14KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P8K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P8K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P16K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P16K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 32KW
Max PV chuyển đổi: 25,6KW
Công suất hòa lưới: 16KW
Công suất backup: 16KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P10K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P12K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P12K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19,2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K2-H



Model: S6-EH3P10K2-H
2MPPT, 2 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P15K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K-H



Model: S6-EH3P15K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P6K2-H



Model: S6-EH3P6K2-H
2MPPT, 2 String
Max PV input: 12KW
Max PV chuyển đổi: 9,6KW
Công suất hòa lưới: 6KW
Công suất backup: 6KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P20K-H



Model: S6-EH3P20K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 32KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P30K-H



Model: S6-EH3P30K-H
3MPPT, 6 String
Max PV input: 60KW
Max PV chuyển đổi: 48KW
Công suất hòa lưới: 30KW
Công suất backup: 30KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P99.9K10-NV-YD-H



Model: S6-EH3P99.9K10-NV-YD-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 200KW
Max PV chuyển đổi: 160KW
Công suất hòa lưới: 100KW
Công suất backup: 100kWW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P40K-H



Model: S6-EH3P40K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 80KW
Max PV chuyển đổi: 64KW
Công suất hòa lưới: 40KW
Công suất backup: 40KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P125K10-NV-YD-H



Model: S6-EH3P125K10-NV-YD-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 240KW
Max PV chuyển đổi: 200KW
Công suất hòa lưới: 125KW
Công suất backup: 125KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P50K-H



Model: S6-EH3P50K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 100KW
Max PV chuyển đổi: 96KW
Công suất hòa lưới: 50KW
Công suất backup: 50KW
Bảo hành 5 năm

HUAWEI HYBRID VÀ PHỤ KIỆN



SUN2000-5KTL-LB0

Model: SUN2000-5KTL-LB0

Max DC power: 7.500(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 2**
- **Max. Number of strings: 1**
- **Max Charger: 6,000W**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-8K-LC0

Model: SUN2000-8K-LC0

Max DC power: 12,000(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 3**
- **Max. Number of strings: 3**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-6KTL-LB0

Model: SUN2000-6KTL-LB0

Max DC power: 9,000(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 2**
- **Max. Number of strings: 1**
- **Max Charger: 6,000W**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-6KTL-LB0

Model: SUN2000-6KTL-LB0

Max DC power: 15,000(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 3**
- **Max. Number of strings: 3**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-8K-MAP0



Model: SUN2000-8K-MAP0

- Max DC power: 14,600(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
- Number of MPP tracker: 2
- Max. Number of strings: 1
- Max Charger: 12,000W

Bảo hành 10 năm

SUN2000-8K-LC0



SmartGuard-63A-S0

Điện áp định mức: 240VAC

- Dòng tối đa từ lưới: 63A
- Dòng tối đa từ Inverter: 60A
- Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
- Dòng tối đa cho tải thường: 63A

UN2000-10K-MAP0



Model: SUN2000-10K-MAP0

- Max DC power: 18,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
- Number of MPP tracker: 2
- Max. Number of strings: 1
- Max Charger: 12,000W

Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0



SmartGuard-63A-T0

Điện áp định mức: 415VAC

- Dòng tối đa từ lưới: 63A
- Dòng tối đa từ Inverter: 60A
- Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
- Dòng tối đa cho tải thường: 63A

SUN2000-12K-MAP0



Model: SUN2000-12K-MAP0

- Max DC power: 22,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
- Number of MPP tracker: 2
- Max. Number of strings: 1
- Max Charger: 12,000W

Bảo hành 10 năm

Thiết bị giám sát SDongleA-05



Model: Thiết bị giám sát SDongleA-05
SDongleA-05

Bộ kết nối hệ thống giám sát Fusion Solar

**SmartPS-100A-S0**

- Tổ đấu dây: 1P2W
- Điện áp: 176-288VAC
- Dải đo: 0-100A
- Kết nối Modbus-RTU
- Kèm cảm biến dòng 100A/40mA

**SmartPS-250A-T0**

- Tổ đấu dây: 3P4W / 3P3W
- Điện áp: 176-288VAC
- Dải đo: 0-250A
- Kết nối Modbus-RTU
- Kèm cảm biến dòng 250A /50mA

SUNGROW



GIẢI PHÁP LƯU TRỮ ĐIỆN THÔNG MINH
CHO MỌI NGÔI NHÀ

**MG5RL****Model: MG5RL**

- Công suất AC định mức: 5kW (1 pha)**
Công suất DC đầu vào tối đa: 8kWp
MPPT: 5 MPPT,
Công suất sạc tối đa: 5kW
Công suất xả tối đa: 5kW
Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
Khối lượng: 18 kg
Bảo hành: 5 năm

**MG6RL****Model: MG6RL**

- Công suất AC định mức: 6kW (1 pha)**
Công suất DC đầu vào tối đa: 9.6kWp
Công suất backup: 6kVA
Công suất sạc tối đa: 6kW
Công suất xả tối đa: 6kW
Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
Khối lượng: 18 kg
Bảo hành: 5 năm



PIN LITHIUM EASYWAY



Easyway 5200



Model No: Easyway 5200
Dung lượng: 5,22kwh, DOD 90%
Điện áp: 51.2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 50A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 41kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10kWhs



Model: UNIV-10kWh S
Dung lượng: 10,24 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 100A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 94kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-LV ST7600



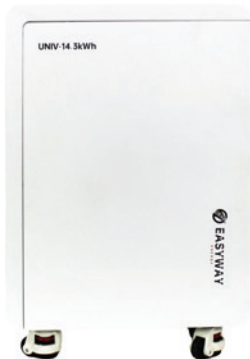
Model: UNIV-LV ST7600
Dung lượng: 7,68 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 75A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 62kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-14.3kWh S



Model No: UNIV-14.3kWh S
Dung lượng: 14,3 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 140A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 140kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-14.3kWh FS



Model No: UNIV-14.3kWh FS
Dung lượng: 14,3 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 140A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 112kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh (II)



Model: UNIV-16 kWh II
Dung lượng: 16 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 20 pack
Bảo hành 10 năm



UNIV-14.3kWh

Model No: UNIV-14.3kWh
Dung lượng: 14,3 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 140A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 112kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh WP



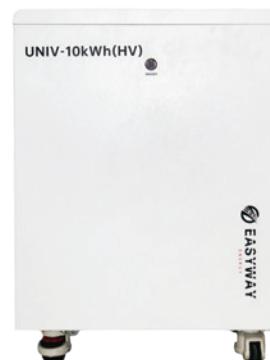
Model: UNIV-16 kWh WP
Dung lượng: 16,08 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh (I)



Model: UNIV-16 kWh I
Dung lượng: 16 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10 kWh HV



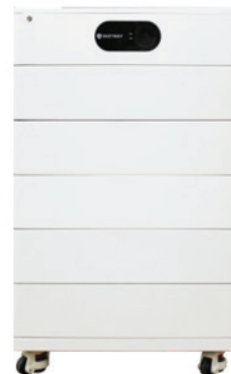
Model: UNIV-10 kWh HV
Dung lượng: 10 kwh
Điện áp định mức: 384V
Dòng điện định mức 16A, DOD 90%
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 88kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 15 KWH



Model: Pin Lithium 15kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST15k
153.6V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 38 KWH



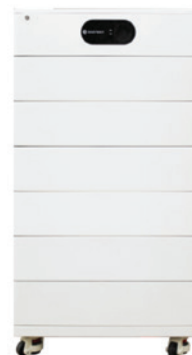
Model: Pin Lithium 38kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST38k
384V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 23 KWH



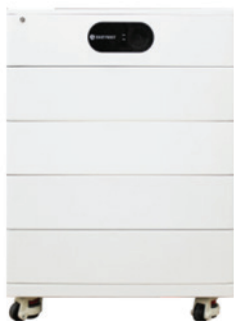
Model: Pin Lithium 23kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST23k
230.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 46kWh



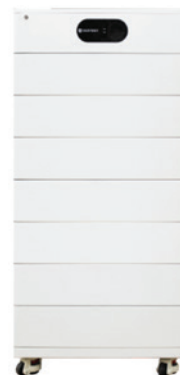
Model: Pin Lithium 46kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST46k
460.8V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 31 KWH



Model: Pin Lithium 31kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST31k
307.2V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 54kWh



Model: Pin Lithium 54kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST54k
537.6V100Ah
Bảo hành 10 năm

TỦ ĐIỆN LƯU TRỮ 100KWH



Model: ESS 100kWh

Dung lượng pin: 100 kWh (usable ~94 kWh).

Điện áp hệ pin: 358 V, dải 313–403 V.

Sạc/xả tối đa: 55 kW – 140 A.

Chu kỳ: ≥ 8000 , bảo hành 10 năm pin.

Kích thước 750×2200×1100 mm,

nặng 1120 kg, IP65.

TỦ PIN LƯU TRỮ 261KWH



Model: ESS 261kWh

Dung lượng pin: 261 kWh (usable ~246 kWh).

Điện áp danh định: 832

Công suất định mức: 314 Ah

Chu kỳ: ≥ 8000 , bảo hành 10 năm pin.

Kích thước 1055×2300×1300 mm,

nặng 2770 kg, IP54.



PIN LITHIUM DYNESS

LEARN MORE

DYNESS DL5.0C



Model: DL5.0C

Dung lượng: 5kWh, Điện áp: 51.2V

Dòng sạc/ xả liên tục (max) 50A (75A)

Truyền thông: CAN2.0/ RS485/ RS232

IP20 trọng lượng 50kg

Cell LFP ≥ 8000 cycles

Có thể ghép song song lên tới 50 pack

Bảo hành 7 năm

DYNESS POWER BRICK



Model: Power Brick

Dung lượng: 14.336kWh

Điện áp: 51.2V - 280 Ah

Dòng sạc/ xả liên tục (max) 140A (200A)

Truyền thông: CAN2.0/ RS485

IP20 trọng lượng 114kg

Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T7



Model: Tower T7
1 BDU & BASE, 2 PACK HV9637
Dung lượng: 7.1kwh
DOD 95%. Điện áp: 192V
Công suất xả xả liên tục 4.26kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 105kg
Cell LFP >6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T17



Model: Tower T17
1 BDU & BASE, 5 PACK HV9637
Dung lượng: 17.76 kwh
DOD 95%, Điện áp: 480V
Công suất xả xả liên tục 10.65kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm



DYNESS TOWER T10



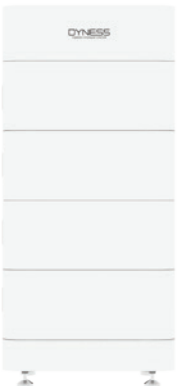
Model: Tower T10
1 BDU & BASE, 3 PACK HV9637
Dung lượng: 10.66 kwh
DOD 95%. Điện áp: 288V
Công suất xả xả liên tục 6.39kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 146kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T21



Model: Tower T21
1 BDU & BASE, 6 PACK HV9637
Dung lượng: 21.31 kwh
DOD 95%, Điện áp: 576V
Công suất xả xả liên tục 12.78kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 228kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T14



Model: Tower T14
1 BDU & BASE, 4 PACK HV9637
Dung lượng: 14.33 kwh
DOD 95%, Điện áp: 384V
Công suất xả xả liên tục 8.52kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

STACK100

Tailored for light C&I ESS
indoor needs



Dyness Stack100 15,36 Kwh



Model: Dyness Stack100 15,36 Kwh

1 BDU & BASE, 3 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 15,36 kwh

DOD 95%, Điện áp: 153,6 V

**Công suất xả xả liên tục 7,68kW
IP20**

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 25,6 Kwh



Model: Dyness Stack100 25,6 Kwh

1 BDU & BASE, 5 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 25,6 kwh

DOD 95%, Điện áp: 256 V

**Công suất xả xả liên tục 12,8 kW
IP20**

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 20,48 Kwh



Model: Dyness Stack100 20,48 Kwh

1 BDU & BASE, 4 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 20,48 kwh

DOD 95%, Điện áp: 204,8 V

**Công suất xả xả liên tục 10,24kW
IP20**

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 30,72 Kwh



Model: Dyness Stack100 30,72 Kwh

1 BDU & BASE, 6 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 30,72 kwh

DOD 95%, Điện áp: 307,2 V

**Công suất xả xả liên tục 15,36 kW
IP20**

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 35,84 Kwh



Model: Dyness Stack100 35,84 Kwh
1 BDU & BASE, 7 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 35,84 kwh
DOD 95%, Điện áp: 358,4 V
Công suất xả xả liên tục 17,92 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 51,2 Kwh



Model: Dyness Stack100 51,2 Kwh
1 BDU & BASE, 10 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất xả xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.



Dyness Stack100 40,96 Kwh



Model: Dyness Stack100 40,96 Kwh
1 BDU & BASE, 8 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 40,96 kwh
DOD 95%, Điện áp: 409,6 V
Công suất xả xả liên tục 20,48 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

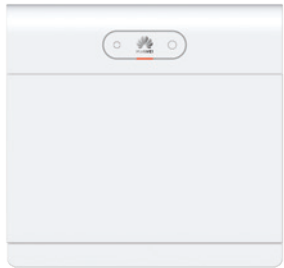
Dyness Stack100 46,08 Kwh



Model: Dyness Stack100 46,08 Kwh
1 BDU & BASE, 9 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 46,08 kwh
DOD 95%, Điện áp: 460,8 V
Công suất xả xả liên tục 23,04 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.



LUNA2000-7-S1

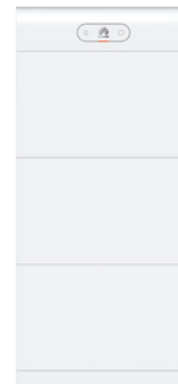


Model: LUNA2000-7-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO₄)- Dung lượng: 6.9kWh

- **Kích thước: 590x255x510mm**
- **Trọng lượng: 80kg**
- **Công suất xả tối đa: 3,5kW**
- **Giao thức: RS485/FE/CAN**
- Bảo hành 10 năm**

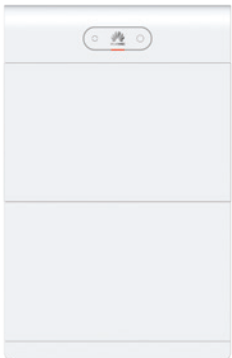
LUNA2000-21-S1



Model: LUNA2000-21-S1

- **Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO₄)**
- **Dung lượng: 20,7kWh**
- **Kích thước: 590x255x1230 mm**
- **Trọng lượng: 216 kg**
- **Công suất xả tối đa: 10,5kW**
- **Giao thức: RS485/FE/CAN**
- Bảo hành 10 năm**

LUNA2000-14-S1



Model: LUNA2000-14-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO₄)- Dung lượng: 13,8kWh

- **Kích thước: 590x255x870 mm**
- **Trọng lượng: 148 kg**
- **Công suất xả tối đa: 7kW**
- **Giao thức: RS485/FE/CAN**
- Bảo hành 10 năm**

460w

JAM54D40/LB

(1762mmX1134mm)

595w

JAM72D40/MB

(2278mmX1134mm)

620w

JAM66D45/LB

(2382mmX1134mm)

640w

JAM72D42/LB

(2465mmX1134mm)

JA SOLAR 600w



Model: JA SOLAR 600

Tấm pin JA 600Wp Ntype hai mặt kính

JAM72D40 600/MB, hiệu suất 23,2%

Bảo hành 12 năm vật lý 30 năm hiệu suất

JA SOLAR 620w



Model: JA SOLAR 620

Tấm pin JA 620Wp Ntype hai mặt kính

JAM66D45 600/LB, hiệu suất 23%

Bảo hành 12 năm vật lý 30 năm hiệu suất

JA SOLAR 625w



Model: JA SOLAR 625

Tấm pin JA 625Wp Ntype hai mặt kính

JAM72D42 625/LB, hiệu suất 22,3%

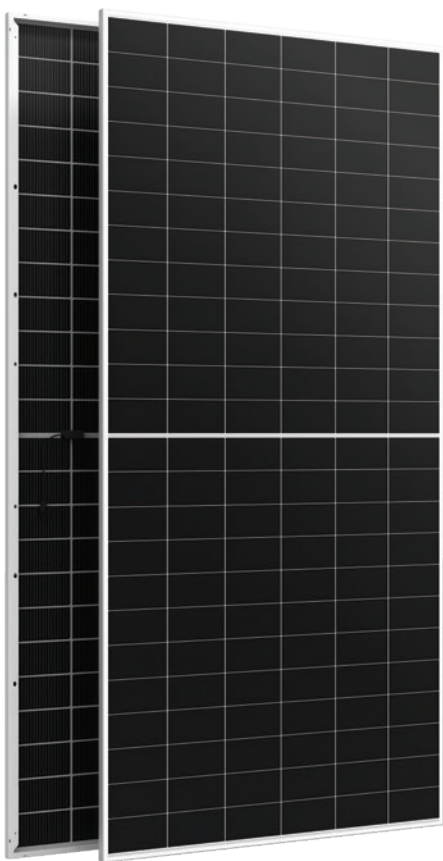
Bảo hành 12 năm vật lý 30 năm hiệu suất

TẮM PIN AIKO



ABC Upgraded INFINITE
Now Open for Order

AIKO SOLAR 650w



Model: AIKO SOLAR 650w

Tấm pin JA 625Wp Ntype hai mặt kính

AIKO-A-GRH66Dw, hiệu suất 24,1%

Bảo hành 15 năm vật lý 30 năm hiệu suất

CÁP SUNKEAN 4MM



Model: CÁP SUNKEAN 4MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 5.50

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 5.09

Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 10MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 7.20

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 1.95

Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 6MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

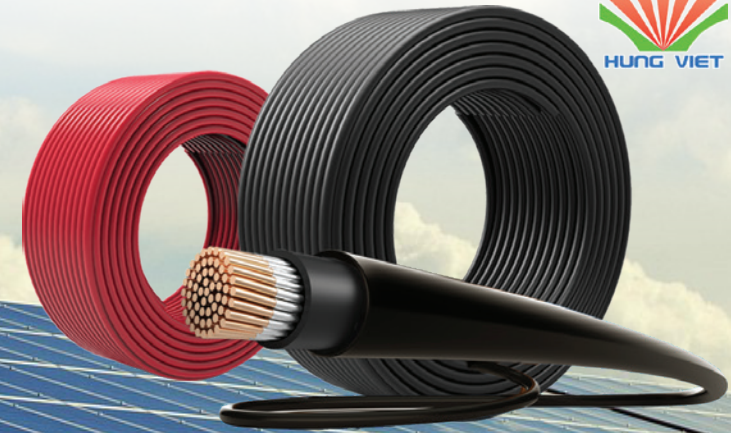
Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 6.10

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 3.39

Bảo hành 10 năm



CÁP LEADER 4MM



Model: CÁP SUNKEAN 4MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 5.50

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 5.09

Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 10MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 7.20

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 1.95

Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 6MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 6.10

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 3.39

Bảo hành 5 năm